

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN CANH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 10/2023/HS-ST

Ngày: 04-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Xuân Tú

Bà Lê Thị Thu Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Phan Vạn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Công D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 08/3/1999 tại huyện V, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh B; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Khắc M, sinh năm 1969; con bà: Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1973; anh, chị, em ruột có 01 người; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 20/10/2022, bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh R khởi tố về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã C, huyện V từ ngày 28/3/2022. Đến ngày 24/10/2022, bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh R bắt tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh R, “có mặt”.

2. Nguyễn Mạnh H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 11/5/1993 tại huyện T, tỉnh B; nơi cư trú: thôn C, xã P, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1973; con bà: Phạm Thị Kim O, sinh năm 1973; anh, chị, em ruột có 01 người; vợ, con: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã P, huyện T từ ngày 28/3/2022 đến nay, “có mặt”.

3. Trần Thọ P, tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/12/1996 tại huyện T, tỉnh B; nơi cư trú: thôn N, xã P, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Thọ N, sinh năm 1956; con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; anh, chị, em ruột có 02 người; vợ, con: không; tiền án, Tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 20/10/2022, bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh R khởi tố về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã P, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; từ ngày 28/3/2022. Đến ngày 24/10/2022, bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh R bắt tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh R, “có mặt”.

4. Mai Tấn P, tên gọi khác: Không; sinh ngày 13/11/1986 tại huyện G, tỉnh K; nơi cư trú: Tổ 6, Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh K; nghề nghiệp: Quản lý quán karaoke; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Văn Đ (Đã chết); con bà: Trương Thị C, sinh năm 1953; anh, chị, em ruột: Có 06 người, bị cáo là con thứ tư; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/4/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, “có mặt”.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh B, “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”;

2. Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 2003; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh B, “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”;

3. Anh Man Sỹ C, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh B, “có mặt”;

4. Anh Phạm Minh V, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh B, “có mặt”;

5. Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh B, “có mặt”;

6. Anh Hồ Đại D, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh B, “có mặt”;

7. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1954; nơi cư trú: 174/8 Lê Lợi, phường H, thành phố Q, tỉnh B, “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”;

8. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1981; nơi cư trú: 174/8 Lê Lợi, phường H, thành phố Q, tỉnh B, “có mặt”;

9. Anh Nguyễn Chí Th, sinh năm 2003; nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh B, “có mặt”;

10. Ông Trần Thọ N, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh B, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 30 Pt ngày 01/01/2022, Công an huyện V phối hợp với Công an thị trấn V tiến hành kiểm tra hành chính quán karaoke “Đạt Nguyễn” thuộc khu phố T, thị trấn V, huyện V P hiện tại 02 phòng karaoke “VIP6666” và “VIP8888” có 02 nhóm đối tượng sử dụng chất ma túy. Qua điều tra xác định quá trình chuẩn bị, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cụ thể như sau:

Nhóm thứ nhất: Vào chiều ngày 31/12/2021, Nguyễn Công D rủ Nguyễn Chí H, Trần Thọ P đi hát karaoke sử dụng ma túy, nhưng D không biết chỗ mua ma túy nên hỏi P tìm nơi mua và nói với P tiền mua ma túy D sẽ trả. P liên hệ qua facebook tên “L Nguyễn (Persent)” để hỏi mua ma túy. Sau khi thỏa thuận được việc mua ma túy, P gọi cho D và gửi số tài khoản “1013387559” của Nguyễn Tấn L cho D để D chuyển số tiền 3.200.000 đồng vào tài khoản để mua 03 viên thuốc lắc dạng viên nén (MDMA) và 01 (một) bịch đựng “khay” (Ketamine). Sau đó, P trực tiếp đi đến dốc “Cây Khế” thuộc thị trấn D, huyện T nhận ma túy từ một người không rõ lai lịch.

D, P và H chọn quán karaoke “Đạt Nguyễn” thuộc khu phố T, thị trấn V làm địa điểm sử dụng ma túy. Khi đến quán karaoke, Mai Tấn P là quản lý của quán hỏi D, P và H “Phòng thường hay bay?” thì H trả lời là “phòng bay”. Mai Tấn P bố trí phòng VIP6666 và cung cấp các dụng cụ như đĩa, ống hút, thẻ sim điện thoại, bật lửa, dầu gió để D, P và H sử dụng ma túy cùng 02 nữ tiếp viên của quán không xác định được tên tuổi, lai lịch. Đồng thời, P cho Nguyễn Chí T là nhân viên của quán cảnh giới tại “ngã ba Suối Mây”. Kết quả test nhanh xác định: D, P và H D tính với Methamphetamine, MDMA và Ketamine; 02 nhân viên nữ D tính với ma túy Methamphetamine và Ketamine.

Nhóm thứ hai: chiều tối ngày 31/12/2021, khi đang nhậu tại xã P, huyện T, Nguyễn Mạnh H xin số điện thoại của “Nhậu” tức Trần Tuấn Đ là nhân viên quán karaoke “Đạt Nguyễn” từ C để đặt phòng hát karaoke. C đưa số điện thoại “0846.934.579” của Trần Tuấn Đ cho H. Sau đó, H đi ra ngoài quán gọi điện thoại cho Trần Tuấn Đ đặt phòng hát, đặt mua 03 viên thuốc lắc (MDMA) và “nửa hộp năm” ma túy Ketamine. Sau khi đặt được ma túy, H rủ Man Sỹ C hát karaoke sử dụng ma túy, C đồng ý. Tiếp đến, H gọi điện thoại rủ Phạm Minh V đi hát karaoke sử dụng ma túy, V đồng ý. H nhờ V đặt taxi đến quán nhậu để cả nhóm cùng đi. H gọi điện rủ Nguyễn Trọng T và Hồ Đại D cùng đi hát karaoke, sử dụng ma túy; T và D đồng ý. Cả nhóm gồm H, C, V và T đi taxi t quán nhậu đến quán karaoke “Đạt Nguyễn” thuộc khu phố T, thị trấn V. Trên đường đi, H đón thêm Hồ Đại D. H trả tiền taxi 600.000 đồng cho chuyến đi và về. Do H đặt ma túy và phòng hát trước nên khi cả nhóm đến nơi thì Trần Tuấn Đ dẫn cả nhóm vào phòng VIP8888. Trần Tuấn Đ đặt ma túy và dụng cụ để sử dụng ma túy trên bàn phòng hát. Sau đó, D nghe điện thoại của Nguyễn Công H gọi đến hỏi “Đang ở đâu?”, D nói “Đang hát karaoke Đạt Nguyễn,

muốn thì lên chơi”, H điều khiển xe mô tô đến sau cùng. Sau khi H đến, H mua thêm 01 viên thuốc lắc (MDMA) từ Trần Tuấn Đ, thanh toán số tiền mua ma túy và tiền nhân viên cho Đạt qua tài khoản 4300205373184 của Mai Tấn P với số tiền 4.300.000 đồng. Cả nhóm nghe nhạc và sử dụng ma túy cùng 02 nữ nhân viên không xác định tên tuổi, lai lịch. Kết quả test nhanh xác định: H, C, V, T, D, H và 02 nữ nhân viên D tính với các chất ma túy: Methamphetamine, MDMA và Ketamine.

Kết luận giám định số 02/PC09 ngày 02/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận loại ma túy thu được trong các mẫu đã tạm giữ tại phòng VIP6666 và phòng VIP8888 là Ketamine, không xác định khối lượng. MDMA là chất ma túy nằm trong D mục I, phần IB, STT 11; Methamphetamine là chất ma túy nằm trong D mục II, phần IIC, STT 247; Ketamine là chất ma túy nằm trong D mục III, STT 40; Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp: 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Công D; 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thọ P; 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thọ N; 02 phiếu tính tiền phòng VIP5555 và phòng VIP7777; 01 Giấy phép lái xe mang tên Mai Tấn P.

Hiện Cơ quan điều tra đang tạm giữ: 01 bì thư dán kín còn nguyên niêm phong; dấu tròn “Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B” bên trong chứa 04 túi nilon kích thước (4x6)cm có chất bột màu trắng bám bên trong; 01 thẻ nhựa màu xanh có chữ Mobifone 4G; 01 thẻ nhựa màu đen trắng có chữ VIP MEMBER; 02 bật lửa; 03 tờ tiền mặt VNĐ (01 tờ mệnh giá 5.000đ; 01 tờ mệnh giá 2.000đ; 01 tờ mệnh giá 1.000đ) do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B hoàn lại sau giám định; 01 đĩa sứ màu trắng, dưới đáy có một lớp màu đen; 01 xe mô tô Honda SH màu đen BKS 77B1-104.72; 01 xe mô tô Dream BKS 77G1-665.88; 01 điện thoại Iphone X màu trắng; 01 điện thoại Iphone 12 Promax; 01 điện thoại Iphone 11 màu xanh lá cây.

Bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 20/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B truy tố các bị cáo Mai Tấn P, Nguyễn Công D, Trần Thọ P và Nguyễn Mạnh H về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với T tiết định khung tăng nặng “đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Mai Tấn P, Nguyễn Công D, Trần Thọ P và Nguyễn Mạnh H về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với T tiết định khung tăng nặng “Đối với 02 người trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công D từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; bị cáo Mai Tấn P từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; bị cáo Trần Thọ P từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tuyên trả lại cho ông Trần Thọ N 01 xe mô tô Dream BKS 77G1-665.88; trả lại cho bị cáo Nguyễn Công D 01 xe mô tô Honda SH màu đen BKS 77B1-104.72. Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Iphone 12 Promax của bị cáo Nguyễn Công D, 01 điện thoại Iphone X màu trắng của bị cáo Trần Thọ P và 01 điện thoại Iphone 11 màu xanh lá cây của bị cáo Nguyễn Mạnh H. Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư dán kín còn nguyên niêm phong: dấu tròn “Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B” bên trong chứa 04 túi nilon kích thước (4x6)cm có chất bột màu trắng bám bên trong; 01 thẻ nhựa màu xanh có chữ Mobifone 4G; 01 thẻ nhựa màu đen trắng có chữ VIP MEMBER; 02 bật lửa; 01 đĩa sứ màu trắng, dưới đáy có một lớp màu đen; 03 tờ tiền mặt VNĐ (01 tờ mệnh giá 5.000đ; 01 tờ mệnh giá 2.000đ; 01 tờ mệnh giá 1.000đ) do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B hoàn lại sau giám định.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và Luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện V và không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thấy hành vi của các bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, hứa không vi phạm nữa và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các vật chứng được thu giữ; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đầy đủ căn cứ xác định hai nhóm đối tượng sau đây đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó:

[2.1] Nhóm thứ nhất: Nguyễn Công D, Mai Tấn P và Trần Thọ P là đồng phạm với nhau trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Nguyễn Công D, Trần Thọ P, Nguyễn Chí H và 02 nữ nhân viên của quán karaoke tại phòng VIP6666. Các bị cáo Nguyễn Công D, Mai Tấn P và Trần Thọ P phạm tội

thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, mặc dù có sự bàn bạc, trao đổi thống nhất, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, không lên kế hoạch và không phân công vai trò để thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó Nguyễn Công D là người khởi xướng rủ rê Nguyễn Chí H, Trần Thọ P tham gia sử dụng ma túy; nhờ Trần Thọ P mua ma túy gồm: 03 (Ba) viên ma túy MDMA và 01 (Một) bịch ma túy Ketamine để cả nhóm sử dụng. Mai Tấn P cho thuê địa điểm là quán karaoke do P quản lý, cung cấp các dụng cụ gồm đĩa sứ, dầu gió, ống hút, thẻ sim điện thoại và bật lửa; phân công người canh giới để giúp nhóm Nguyễn Công D tổ chức sử dụng chất ma túy.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo cho thấy: Bị cáo Nguyễn Công D là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng ma túy, chọn địa điểm để sử dụng ma túy, nhờ Trần Thọ P tìm mua ma túy để cả nhóm sử dụng và bị cáo D cũng là người chuyển tiền mua ma túy cho Nguyễn Tấn L. Như vậy, bị cáo D là người có vai trò chính trong vụ án; Bị cáo Trần Thọ P được bị cáo D rủ sử dụng ma túy, khi được bị cáo D nhờ tìm mua ma túy thì Trần Thọ P đã tìm và cung cấp số tài khoản của người bán ma túy để D chuyển tiền mua ma túy. Mặt khác, bị cáo P là người trực tiếp nhận ma túy từ người bán và mang ma túy đến quán Karaoke Đạt Nguyễn để cả nhóm cùng sử dụng. Như vậy, bị cáo P có vai trò là người giúp sức tích cực, giúp bị cáo D mua ma túy và cùng D tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Mai Tấn P mặc dù không trực tiếp tham gia sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vì ham lợi cá nhân, vì muốn thu thêm tiền giờ Karaoke nên đã cho thuê địa điểm quán Karaoke do bị cáo quản lý và cung cấp các dụng cụ gồm đĩa sứ, dầu gió, ống hút, thẻ sim điện thoại, bật lửa; phân công người canh giới để giúp nhóm Nguyễn Công D tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

[2.2] Nhóm thứ hai: Bị cáo Nguyễn Mạnh H có hành vi rủ rê Man Sỹ C, Nguyễn Trọng T, Hồ Đại D, Phạm Minh V, Nguyễn Công H và 02 nữ nhân viên của quán karaoke sử dụng trái phép chất ma túy; tìm địa điểm, đặt taxi, mua 04 (Bốn) viên ma túy MDMA và “nửa hộp năm” ma túy Ketamine từ Trần Tuấn Đạt để cả nhóm sử dụng tại phòng VIP8888. Hành vi của bị cáo H là độc lập với các bị cáo Nguyễn Công D, Mai Tấn P và Trần Thọ P. Bị cáo H là người trực tiếp thực hiện các hành vi nêu trên để tổ chức cho cả nhóm sử dụng trái phép chất ma túy nên pH chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm chế độ độc quyền về quản lý Nhà nước về ma túy. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo cho nhiều người cùng sử dụng đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với T tiết định khung tăng nặng “Đối với 02 người trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố các bị cáo về tội D và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Mai Tấn P, Nguyễn Công D, Trần Thọ P và Nguyễn Mạnh H đều có tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo P và bị cáo H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; mặt khác bị cáo P là lao động chính của gia đình đang nuôi mẹ bị khuyết tật (cụt tay). Các bị cáo Nguyễn Công D và Trần Thọ P đều có nhân thân xấu, bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khởi tố về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự bắt tạm giam từ ngày 24/10/2022 đến nay.

[5] Các bị cáo Mai Tấn P, Nguyễn Công D, Trần Thọ P và Nguyễn Mạnh H đều biết việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật về hình sự và biết Nhà nước cấm sử dụng nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự xã hội ở địa phương, gây thiệt hại đến sức khỏe của chính bản thân và những người cùng sử dụng trái phép chất ma túy nên cần pH xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghề nghiệp không ổn định và đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án:

[7.1] Đối với 01 bì thư dán kín còn nguyên niêm phong dấu tròn “Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B” bên trong chứa 04 túi nilon kích thước (4x6)cm có chất bột màu trắng bám bên trong; 01 thẻ nhựa màu xanh có chữ Mobifone 4G; 01 thẻ nhựa màu đen trắng có chữ VIP MEMBER; 02 bật lửa; 01 đĩa sứ màu trắng, dưới đáy có một lớp màu đen không có giá trị sử dụng; 03 tờ tiền mặt VNĐ (01 tờ mệnh giá 5.000đ; 01 tờ mệnh giá 2.000đ; 01 tờ mệnh giá 1.000đ) do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B hoàn lại sau giám định. Xét thấy các mẫu hoàn lại sau giám định là chất cấm lưu hành và 03 tờ tiền tiền mặt VNĐ là công cụ các bị cáo sử dụng ma túy, bám dính chất ma túy được hoàn lại sau giám định và có mệnh giá nhỏ, nên căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Đối với 01 điện thoại Iphone 12 Promax, 01 điện thoại Iphone X màu trắng và 01 điện thoại Iphone 11 màu xanh lá cây. Các điện thoại này là công cụ phạm tội do các bị cáo Nguyễn Công D, Trần Thọ P và Nguyễn Mạnh H đã sử dụng để rủ rê các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời gọi đặt mua ma túy, dùng chuyển khoản trả tiền mua ma túy và gọi đặt phòng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nên căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7.3] Đối với 01 xe mô tô Honda SH màu đen BKS 77B1-104.72 của bị cáo Nguyễn Công D là phương tiện đi lại, không pH là công cụ, phương tiện để bị cáo sử dụng ma túy, nên căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Nguyễn Công D; 01 xe mô tô Dream BKS

77G1-665.88 của ông Trần Thọ N ông N không biết việc bị cáo P sử dụng xe mô tô của ông để đi mua ma túy, nên căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại xe cho ông Trần Thọ N.

[8] Đối với hành vi của Trần Tuấn Đạt, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Tuấn Đạt về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và ra Quyết định truy nã đối với bị can. Hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tách vụ án Trần Tuấn Đạt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” để tiến hành điều tra, giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với hành vi cho Đạt mượn số tài khoản để nhận tiền từ H chuyển đến Mai Tấn P; P khai không biết mục đích của việc chuyển tiền này là để mua ma túy. Cơ quan điều tra sẽ tiến hành điều tra, làm rõ và xử lý P trong vụ án nêu trên nếu có căn cứ.

[9] Đối với hành vi của Nguyễn Tấn L bán ma túy cho Nguyễn Công D và Trần Thọ P, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã chuyển tài liệu liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Phước để giải quyết theo thẩm quyền.

[10] Đối với ông Nguyễn Ngọc Hoà là chủ quán karaoke, Nguyễn Ngọc Huy là người quản lý do ông H ủy quyền không biết việc P sử dụng quán karaoke của mình làm địa điểm để các đối tượng sử dụng ma túy, không biết P cung cấp dụng cụ cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý ông H và Huy là có căn cứ.

[11] Đối với Nguyễn Chí T khi được P giao nhiệm vụ cảnh giới tại “ngã ba Suối Mây” để quán karaoke hoạt động, T không biết việc sử dụng ma túy tại 02 phòng VIP6666 và VIP8888 nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T là có căn cứ.

[12] Hồ Đại D không rủ Nguyễn Công H đến quán karaoke để sử dụng ma túy. Phạm Minh V chỉ được H nhờ đặt taxi đến quán nhậu, tiền taxi H thanh toán; V không tham gia sắp xếp điều hành, bố trí con người, phương tiện để sử dụng ma túy. Vì vậy, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D và V là có căn cứ.

[13] Đối với 04 nữ nhân viên phục vụ và sử dụng ma túy tại 02 phòng VIP6666 và VIP8888 khai tên Phạm Thị Phương Thanh, Nguyễn Thị Kim Ngọc, Trần Thị Nở và Nguyễn Thị Ngọc Hân. Tuy nhiên, các đối tượng không có giấy tờ tùy thân; qua xác minh xác định thông tin các đối tượng cung cấp là giả, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch; hiện các đối tượng trên không chấp hành, đi đâu làm gì không rõ nên Công an huyện V không có căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính các đối tượng này.

[14] Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Công D, Mai Tấn P, Trần Thọ P và Nguyễn Mạnh H pH chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[15] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đối với các bị cáo Nguyễn Công D, Mai Tấn P, Trần Thọ P và Nguyễn Mạnh H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Nguyễn Công D, Trần Thọ P và Mai Tấn P.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên xử:

1. Về tội D: Tuyên bố các bị cáo Mai Tấn P, Nguyễn Công D, Trần Thọ P và Nguyễn Mạnh H đều phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với T tiết định khung tăng nặng “Đối với 02 người trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công D 07 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án;

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 07 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo Trần Thọ P 07 năm tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án;

2.4. Xử phạt bị cáo Mai Tấn P 07 năm tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 13/4/2022).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư dán kín còn nguyên niêm phong; dấu tròn “Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B” bên trong chứa 04 túi nilon kích thước (4x6)cm có chất bột màu trắng bám bên trong; 01 thẻ nhựa màu xanh có chữ Mobifone 4G; 01 thẻ nhựa màu đen trắng có chữ VIP MEMBER; 02 bật lửa; 01 đĩa sứ màu trắng, dưới đáy có một lớp màu đen không có giá trị sử dụng; 03 tờ tiền tiền mặt VNĐ (01 tờ mệnh giá 5.000đ; 01 tờ mệnh giá 2.000đ; 01 tờ mệnh giá 1.000đ) có bám dính chất ma túy được hoàn lại sau giám định do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B hoàn lại sau giám định;

Trả cho bị cáo Nguyễn Công D 01 xe mô tô Honda SH màu đen BKS 77B1-104.72; Trả cho ông Trần Thọ N 01 xe mô tô Dream BKS 77G1-665.88;

Tịch tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 12 Promax của bị cáo Nguyễn Công D và 01 điện thoại Iphone X màu trắng của bị cáo Trần Thọ P; 01 điện thoại Iphone 11 màu xanh lá cây của bị cáo Nguyễn Mạnh H.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16 tháng 01 năm 2023 Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Mai Tấn P, Nguyễn Công D, Trần Thọ P và Nguyễn Mạnh H mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vân Canh;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQCSĐT Công an huyện Vân Canh;
- CQTHAHS Công an huyện Vân Canh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Chi cục THADS huyện Vân Canh;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Phương

